

KẾ HOẠCH

Thực hiện phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 theo tinh thần Nghị Quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy Quảng Ngãi

Thực hiện Nghị Quyết số 04-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, đề nghị của Sở Công thương tại Công văn số 1832/SCT-KHTCTH ngày 09/11/2016 và Công văn số 1577/SVHTTDL-DL ngày 10/11/2016 về việc xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ-TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh ủy; Sở Giao thông vận tải xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phát triển dịch vụ, du lịch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 thuộc lĩnh vực giao thông vận tải như sau:

I. Quan điểm

1. Phấn đấu đến năm 2020, hoạt động giao thông vận tải sẽ tạo nền tảng, động lực góp phần phát triển dịch vụ, du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lực lượng lao động sang ngành dịch vụ, gia tăng GDP của tỉnh nhà, ổn định đời sống dân sinh xã hội.

2. Phát triển dịch vụ, du lịch đồng bộ, hài hòa, bền vững trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế của từng phương thức vận tải nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách theo hướng hiện đại; thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ, giảm chi phí vận tải, tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy mạnh phát triển vận tải đa phương thức; đẩy nhanh tiến độ phát triển vận tải hành khách công cộng, phù hợp chiến lược phát triển dịch vụ vận tải phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch phát triển Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, giảm chi phí vận tải, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và bảo vệ môi trường, đáp ứng kịp thời, đầy đủ nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách trên cơ sở tổ chức vận tải hợp lý và phát huy lợi thế về vận tải đường bộ; từng bước phát triển vận tải công cộng trong đô thị, vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics nhằm tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh nhà. Phấn đấu đưa tỉnh Quảng Ngãi từng bước trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa, hành khách của khu vực miền Trung, Tây Nguyên,

góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Sản lượng vận tải hàng hóa toàn tỉnh đạt khoảng 10,4 triệu tấn; lượng luân chuyển hàng hóa đạt khoảng 1.713 triệu tấn.km. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm khoảng 8,8%/năm.

b) Sản lượng vận tải hành khách toàn tỉnh đạt khoảng 5,1 triệu hành khách (HK); lượng luân chuyển hành khách đạt khoảng 1.321 triệu HK.km. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm khoảng 7,5%.

c) Chuyển dịch cơ cấu thị trường vận tải gồm: vận tải đường bộ, vận tải đường sắt, vận tải đường thủy và vận tải đường hàng không. Trong đó:

+ Thị phần vận tải hàng hóa đường bộ khoảng 88%, đường sắt khoảng 08%, đường thủy khoảng 3,5%, đường hàng không khoảng 0,5%;

+ Thị phần vận tải hành khách đường bộ khoảng 87%, đường sắt khoảng 12%, đường thủy khoảng 0,8%, đường hàng không khoảng 0,2%.

d) Đẩy mạnh đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng. Đến năm 2020, khối lượng vận tải hành khách đạt 4,3 triệu HK; tỷ lệ đảm nhận vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh đáp ứng khoảng 10%, vận tải khách công cộng bằng xe taxi đáp ứng khoảng 7,5% nhu cầu đi lại.

e) Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn giao thông trong hoạt động kinh doanh vận tải; tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện vận tải, hiệu quả sử dụng năng lượng; kiểm soát, phòng ngừa, hạn chế gia tăng ô nhiễm môi trường trong hoạt động vận tải. Phấn đấu giảm bình quân hàng năm từ 05% - 10% về số người chết do tai nạn giao thông có nguyên nhân từ phương tiện kinh doanh vận tải.

g) Tăng cường vai trò quản lý nhà nước, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách với chi phí phù hợp.

III. Nội dung thực hiện

1. Phát triển thị trường vận tải

a) Vận tải đường bộ

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ vận tải thu gom hàng từ các trung tâm phân phối theo khu vực đến các điểm bán lẻ, vận tải cự ly ngắn, khối lượng vận tải nhỏ đến trung bình; tham gia vào chuỗi vận tải đa phương thức kết nối giữa các đầu mối của phương thức vận tải khối lượng lớn (đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển) đến các trung tâm phân phối quy mô vừa và nhỏ.

- Tăng cường phát triển vận tải hành khách liên tỉnh có cự ly ngắn và trung bình dưới 500 km, vận tải hàng khách công cộng bằng xe buýt nội tỉnh và nội đô.

- Phát triển hợp lý dịch vụ vận tải gom khách tại các khu vực xe buýt, xe vận tải khách tuyến cố định không thể tiếp cận, nâng cao chất lượng và an toàn giao thông của dịch vụ vận tải taxi.

- Tăng cường phát triển vận tải đường bộ kết nối từ đô thị đến các vùng nông thôn và kết nối các vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp đến thị trường tiêu thụ; ưu tiên phát triển dịch vụ vận tải đường bộ đến các cụm dân cư, các trung tâm cụm xã, vùng sâu, vùng xa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp với đảm bảo quốc phòng - an ninh, góp phần thực hiện thắng lợi chương trình, mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường hợp tác, kết nối tạo thuận lợi cho vận tải qua biên giới giữa tỉnh Quảng Ngãi đến với các tỉnh của các nước láng giềng như Lào, Campuchia, Trung Quốc.

b) Vận tải đường sắt

- Phát triển tăng thị phần dịch vụ vận tải đường sắt để đảm nhận vận tải hàng hóa khối lượng lớn, đưa và rút hàng từ các cảng biển, khu công nghiệp, khu kinh tế với cự ly trung bình từ 300 km trở lên; tăng sản lượng, năng lực vận chuyển hành khách đi các tỉnh, thành phố trong cả nước và ngược lại.

- Phát triển dịch vụ vận tải đường sắt hiện đại, đảm bảo kết nối đa phương thức vận tải thuận tiện, hài hòa với các tỉnh, thành trong cả nước, phù hợp với năng lực vận tải đường sắt.

c) Vận tải đường thủy nội địa

- Tăng thị phần đảm nhận vận tải hàng hóa, hành khách trên địa bàn tỉnh; nâng cao năng lực vận chuyển hàng hoá và hành khách tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, đảo Lớn - đảo Bé; đẩy mạnh phát triển chuỗi sản phẩm vận tải khách tham quan, du lịch đến đảo Lý Sơn, đồng thời tăng cường khả năng kết nối thuận tiện đến các điểm tham quan, du lịch trên đất liền.

- Khuyến khích phát triển vận tải đường thủy nội địa để đảm nhận vận chuyển hàng rời khối lượng lớn từ cảng Dung Quất, cảng Sa Kỳ đến cảng Lý Sơn, cảng Bến Đình khi đưa vào khai thác; đưa vào khai thác các tuyến sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Trà Câu, sông Thoá khi đảm bảo các điều kiện về cơ sở hạ tầng.

- Nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ hỗ trợ vận tải tại cảng Sa Kỳ, cảng Lý Sơn, cảng Bến Đình khi đưa vào khai thác; đặc biệt là năng lực xếp dỡ và dịch vụ hậu cần vận tải hàng hóa có khối lượng lớn bằng đường thủy nội địa.

d) Vận tải đường biển

Tăng năng lực và thị phần vận tải biển, phát triển năng lực vận tải để đảm nhận vận tải hàng hóa xuất, nhập khẩu của vùng, khu vực miền Trung, Tây Nguyên, hàng hóa quá cảnh của các nước láng giềng và vận tải tuyến ven biển Bắc - Trung - Nam.

đ) Vận tải đường hàng không

Phát triển đường bay Chu Lai - Hà Nội, Chu Lai - thành phố Hồ Chí Minh, Chu Lai - TP Buôn Ma Thuột và ngược lại; từng bước phát triển dịch vụ vận tải hàng hoá và hình thành mạng đường bay chở hàng hóa liên tỉnh, tham gia trung chuyển hành khách, hàng hóa quốc tế.

e) Vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế và kết nối đa phương thức vận tải nội địa; hình thành mạng lưới trung tâm phân phối nhiều cấp (cảng cạn, kho, bãi hàng hoá) và các tuyến vận tải thu, gom hàng hoá tại các trung tâm đô thị, Khu Kinh tế Dung Quất các Khu công nghiệp: Vsip, Quảng Phú, Phổ Phong.

- Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư phát triển dịch vụ logistics quốc tế, cung cấp dịch vụ trọn gói 3 bên (3PL), 4 bên (4PL), đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử và mô hình quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ hiện đại.

- Thành lập cơ quan phối hợp liên ngành giữa các sở, ngành, địa phương để phối hợp đề xuất cơ chế, chính sách và định hướng đầu tư, phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh.

2. Phát triển lực lượng kinh doanh vận tải

- Hình thành một số doanh nghiệp vận tải hàng hoá đa phương thức quy mô lớn, có khả năng thực hiện các chuỗi vận tải hoàn chỉnh đường bộ - đường sắt - đường biển hoặc đường bộ - đường thuỷ nội địa - đường biển, đường bộ - đường hàng không; tăng cường kết nối dịch vụ vận tải giữa các phương thức thông qua việc kết nối hoạt động phân phối dịch vụ, đặc biệt ưu tiên phát triển mô hình bán vé liên thông giữa các phương thức vận tải hành khách.

- Nâng cao hiệu quả quản trị kinh doanh của đơn vị vận tải theo hướng đổi mới mô hình tổ chức, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chủ động liên doanh, liên kết với các đối tác tại các thành phố lớn trong và ngoài nước để có cơ hội tiếp nhận chuyển giao kinh nghiệm và công nghệ tiên tiến.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh và xây dựng thương hiệu doanh nghiệp vận tải của tỉnh Quảng Ngãi, không ngừng đầu tư đổi mới phương tiện, nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ vận tải để giữ vững vai trò chủ đạo trong thị trường vận tải hành khách đi và đến Quảng Ngãi; bảo đảm khả năng cung ứng chuỗi dịch vụ vận tải hàng hoá nội địa, liên tỉnh và quốc tế với giá thành hợp lý, chất lượng cao; đẩy mạnh đầu tư phát triển dịch vụ vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải.

IV. Giải pháp thực hiện

1. Cơ chế, chính sách về vận tải

- Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để tăng cường vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực vận tải; phân định rõ giữa chức năng quản lý nhà nước với tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải của doanh nghiệp; cụ thể hóa các quy định về kinh doanh vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics phù hợp với tình hình của địa phương.

- Hoàn thiện cơ chế khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động đầu tư phát triển vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, dịch vụ xã hội hóa khai thác bến xe, đầu tư kết cấu tầng đường thủy nội địa.

- Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư phát triển vận tải hàng hoá khối lượng lớn trên các hành lang chủ yếu, hệ thống logistics, hệ thống phân phối dịch vụ vận tải đa phương thức, đặc biệt là đầu tư đổi mới phương tiện vận tải, công nghệ quản trị kinh doanh, trang thiết bị xếp dỡ, hệ thống kho bãi, bến xe, bến cảng, nhà chờ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

2. Thứ tự ưu tiên trong đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông

a) Cơ cấu nguồn vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông

- Đến năm 2020, ưu tiên huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông khoảng 53.290 tỷ đồng. Trong đó: vốn ngân sách Trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh là 34,62%; vốn ngân sách địa phương chiếm 43,11%; vốn do tổ chức, cá nhân đầu tư chiếm 22,27% (theo quy hoạch phát triển Giao thông vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030).

- Phân kỳ vốn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vốn cho các công trình có tính lan tỏa, đảm bảo kết nối các phương thức vận tải tại các khu kinh tế, khu công nghiệp lớn và trung tâm đô thị, đầu mối giao thông quan trọng. Ưu tiên đầu tư cho các phương thức vận tải đường thủy nội địa khối lượng lớn nhằm giảm áp lực cho vận tải đường bộ.

b) Đầu tư nâng cao năng lực và chất lượng các công trình kết cấu hạ tầng cho dịch vụ hỗ trợ vận tải

- Đến năm 2020, bến xe khách đạt tiêu chuẩn loại II trở lên phải đầu tư, nâng cấp nhà chờ đảm bảo phân tách hoàn toàn khu vực cách ly dành cho khách đi - đến với khu vực công cộng; tách luồng hành khách đi với hành khách đến; ứng dụng phần mềm, đầu tư hệ thống camera giám sát hoạt động của phương tiện và theo dõi an ninh trật tự tại khu vực phòng chờ, cổng ra, vào khu vực xe ô tô đón, trả khách.

- Tổ chức giao thông kết nối thuận tiện, bố trí điểm đón, trả khách cho xe buýt, taxi, bãi trông giữ xe cá nhân cho hành khách trong khuôn viên khu vực công cộng của bến xe, bến cảng, nhà ga; bảo đảm các công trình, trang thiết bị phục vụ giao thông tiếp cận thuận tiện cho các đối tượng người khuyết tật, người cao tuổi, tại các nhà chờ hành khách tại bến xe khách, cảng, bến thủy nội địa, nhà ga; đầu tư nâng cấp hệ thống thu gom xử lý nước thải, rác thải theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh doanh vận tải

- Định kỳ hàng năm mở lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học cho cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý vận tải.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động kinh doanh vận tải nhằm thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát, thống kê, tổng hợp, giải quyết thủ tục hành chính, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh.

4. Tăng cường quản lý điều kiện bảo đảm an toàn giao thông trong kinh doanh vận tải

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về điều kiện kinh doanh vận tải; xử lý trách nhiệm đối với người thực thi công vụ, đơn vị kinh doanh vận tải vi phạm các quy định pháp luật về điều kiện bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động kinh doanh vận tải.

- Đẩy mạnh việc kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định, quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị kinh doanh vận tải về bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện kinh doanh vận tải, trang thiết bị, máy móc làm dịch vụ hỗ trợ vận tải.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý và kinh doanh vận tải

- Phối hợp xây dựng các thỏa ước về giao thông vận tải giữa tỉnh Quảng Ngãi với các tỉnh thuộc nước bạn Lào để triển khai thực hiện các hiệp định song phương, đa phương nhằm mở rộng thị trường và tạo thuận lợi phát triển dịch vụ vận tải liên vận qua biên giới và vận tải quốc tế.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ các doanh nghiệp vận tải có mô hình quản lý tập trung thiết lập các đầu mối vận tải trung chuyển quốc tế, cung ứng dịch vụ vận tải và mạng lưới phân phối hàng hoá ở nước ngoài.

V. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động triển khai thực hiện những nội dung cụ thể của kế hoạch này.

2. Giao phòng Quản lý đầu tư chủ trì, phối hợp với phòng Kết cấu hạ tầng, Kỹ thuật và chất lượng tham mưu triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, gắn kết, đảm bảo đúng trọng tâm, trọng điểm.

3. Giao Phòng Vận tải và Pháp chế chủ trì, tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển dịch vụ giao thông vận tải theo tinh thần Nghị quyết số 04-NQ-TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh ủy.

Quá trình thực hiện có gì vướng mắc, phản ánh về Sở Giao thông vận tải (qua phòng Vận tải và Pháp chế) để xem xét giải quyết và chỉ đạo kịp thời. *al*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/cáo);
- Sở Công thương;
- Sở VH, TT và DL;
- Lãnh đạo Sở;
- Thanh tra Sở;
- Các bến xe;
- Các đơn vị KDVT;
- Lưu: VT, VT&PC^{Khang}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Tiến Đạt